



THÙNG XE TẢI BẢO ÔN

INSULATED TRUCK BODY

UD TRUCKS PKE 250

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL		ĐVT / UNIT	PKE 250	PKE 250
Loại xe / Vehicle type			Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck
Nhãn hiệu / Mark, model code			UD TRUCKS CRONER PKE 250 PKE 42R-QUYEN AUTO.BOAS	UD TRUCKS CRONER PKE 250 PKE 42R-QUYEN AUTO.BO1
Công thức bánh xe / Wheel formular			4 x 2	4 x 2
Thông số về kích thước / Dimensions				
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm		9930 x 2500 x 3800	9930 x 2500 x 3800
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm		7750 x 2500 x 2550	7750 x 2500 x 2550
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm		7500 x 2320 x 2310	7500 x 2320 x 2310
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm		5500	5500
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm		2027 / 1836	2027 / 1836
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm		1352 / 3078	1352 / 3078
Khoảng sáng gầm xe Ground Clearance	mm		305	305
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm		2486	2486
Thông số về khối lượng / Weight				
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg		7655	7655
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg		7250	7100
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg		15100	15100
Khối lượng phân bố lên trục trước / sau Dispose on front axle / rear axle	Kg		5100 / 10000	5100 / 10000
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver			3	3
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres				
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)			11.00R20	11.00R20
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)			11.00R20	11.00R20
Thiết bị điện / Electric equipment				
Áp định mức: 24V Out put: 24V			Ắc quy / Batteries: 12V - 110Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 110Ah - 2 bình
Máy phát: xoay chiều Alternator:			24V - 80A	24V - 80A
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment			-	Hệ thống cấp dưỡng khí (Máy Oxy) Roots blower systems

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL

Lốp da mặt trong, ngoài GRP Châu Âu
Internal and external skin panel European GRP
Internal and external European skin

Nhôm T gia cường
Reinforced aluminium T

Lốp cách nhiệt Styrofoam (XPS)
Insulation core - Styrofoam (XPS)

Ván gỗ / Plywood

Keo liên kết
Adhesive (Henkel)

Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor 6.2T	Sàn sóng / corrugated 6.2T	Sàn phẳng / Flat floor 8T > 24T	Sàn sóng / corrugated 8T > 24T
Panel sàn / Floor panel	100	110	130	140
Panel vách đầu Front wall panel	85	85	110	110
Panel vách 2 hông Two side wall panels	80	80	80	80
Panel nóc / Roof panel	105	105	105	105
Panel 2 cửa sau Rear door panels	80	80	80	80

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV Ô TÔ QUYỀN

* **NHÀ MÁY:** số 550, ấp 4, xã Tân Bửu,
huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam.

* **Tel:** (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022

* **Fax:** (0272) 3769 023

* **Phòng kinh doanh:**
Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444
Email: kd01@quyenauto.com

* **Tư vấn kỹ thuật:**
Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317
Email: technical@quyenauto.com

